

Bản án số: 41/2021/DS-ST

Ngày: 06/4/2021.

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Kim Thoa**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Cúc**

2. Bà **Trần Thị Út**

Thư ký phiên Tòa: Bà **Phạm Thị Mỹ Nhanh** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang: không tham gia.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 596/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bé E, sinh năm 1967. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Bà Nguyễn Kim G, sinh năm 1973. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé E trình bày:*

Do quen biết nên ngày 25/11/2016 âm lịch tôi có cho bà Nguyễn Kim G mượn số tiền 152.000.000đ. Vào năm 2017 bà G có trả cho tôi số tiền 80.000.000đ, còn thiếu lại số tiền 72.000.000đ, đã nhiều lần nhắc nhở yêu cầu bà G trả số tiền này nhưng bà G hèn nhiều lần mà không trả. Nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Kim G phải trả cho tôi số tiền nợ vay còn lại là 72.000.000đ.

** Theo bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Kim G trình bày:*

Năm 2016 tôi có vay của bà Bé E số tiền tính vốn và lãi là 152.000.000đ. Đến năm 2017 tôi có bán đất được số tiền 1,2 tỷ đồng, tôi trả nợ cho nhiều người, trong đó có trả cho bà Bé E đủ số tiền 152.000.000đ, khi đó bà Bé E còn cho tôi lại 2.000.000đ, chỉ lấy số tiền 150.000.000đ, khi trả tại nhà bà Đoàn Thị O. Lúc đó tôi yêu cầu bà Bé E trả lại cho tôi biên nhận tiền, nhưng bà Bé E không đem ra và nói là trả tiền rồi thì thôi nên tôi tin tưởng. Nay bà Bé E yêu cầu tôi trả số tiền nợ tôi không đồng ý. Do bà Đoàn Thị O đã đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương nên không thể làm chứng cho tôi được. Nay bà Bé E khởi kiện yêu cầu tôi trả số tiền 72.000.000đ tôi không đồng ý vì tôi đã trả xong cho bà Bé E.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé E xác định đây là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé E với bà Nguyễn Kim G thực tế đã phát sinh. Bởi lẽ, nguyên đơn là bà Bé E cung cấp tờ “biên nhận mượn tiền” (bản chính viết tay) với số tiền là 152.000.000 đồng (Một trăm năm mươi hai triệu đồng), cụ thể nội dung biên nhận mượn tiền thể hiện: ngày 25/11/2016 âm lịch bà G có mượn của bà Bé E số tiền “152.000”, tuy nhiên tại phần viết bằng chữ thì thể hiện “một trăm năm hai triệu đồng”. Tại phiên tòa hôm nay hai bên đương sự thừa nhận số tiền trong biên nhận nợ là 152.000.000đ nên HĐXX xác định số tiền trong biên nhận là 152.000.000đ.

Bà Bé E trình bày, bà cho bà G mượn tổng cộng là 152.000.000đ, năm 2017 bà G có trả cho bà được số tiền 80.000.000đ, còn nợ lại số tiền 72.000.000đ chưa trả, nên nay bà yêu cầu bà G phải trả số tiền này. Phía bà G trình bày năm 2017 bà có bán đất được số tiền 1,2 tỷ đồng, đã trả nợ cho nhiều người trong đó có trả cho bà Bé E hết số tiền 152.000.000đ, tại nhà bà Đoàn Thị O, lúc đó bà Bé E có cho bà số tiền 2.000.000đ, chỉ nhận số tiền 150.000.000đ vì tin tưởng nên bà không lấy lại biên nhận tiền. Nay bà Bé E khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 72.000.000đ bà không đồng ý.

Xét thấy, bà G trình bày việc bà trả tiền có nhiều người chứng kiến, khi trả tại nhà của bà Đoàn Thị O có bà O biết việc này, nhưng hiện tại do bà O đã đi làm ăn xa nên không thể làm chứng cho bà được. Tại phiên tòa bà Bé E vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà G trả số tiền 72.000.000đ. Bà G không đồng ý trả với lý do bà G đã trả cho bà Bé E rồi nhưng do tin tưởng nên không lấy lại biên nhận. Xét lời khai nại của bà G là đã trả nợ vay cho bà Bé E xong số nợ nhưng bà G không có chứng cứ nào để chứng minh là đã trả xong tiền nợ vay của bà Bé E. Mặc khác bà Bé E cũng không thừa nhận việc bà G trả hết số nợ trong biên nhận cho mình.

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé E là có căn cứ, cần phải buộc bị đơn bà Nguyễn Kim G có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bé E số tiền nợ vay là 72.000.000đ, thực hiện việc trả nợ khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí: bà Nguyễn Kim G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé E

Buộc bà Nguyễn Kim G phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bé E số tiền vốn vay là **72.000.000 đồng** (Bảy mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Bé E có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Kim G chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2/ *Về án phí:* bà Nguyễn Kim G phải chịu 3.600.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Bé E số tiền 1.800.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 0006221 ngày 09/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

3/ *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H. Cai Lậy;
- Chi cục THADS H. Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Kim Thoa